

Số: 33 /2018/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định cơ chế, chính sách
khuyến khích đầu tư phát triển vận tải hành khách
công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Giao Thông đường bộ năm 2008;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính Phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Quyết định số 62/2009/QĐ-TTg ngày 20/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về miễn tiền thuê đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng;

Quyết định số 55/2012/QĐ-TTg ngày 19/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 62/2009/QĐ-TTg ngày 20/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về miễn tiền thuê đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2762/TTr-SGTVT ngày 25.12.2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ khuyến khích đầu tư phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07.01.2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo; Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp vận tải; Thủ trưởng các sở, ngành và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: Giao thông vận tải, Tài chính (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp;
- VP UBND tỉnh: CVP, các P.CVP;
- Lưu: VT, CN.XDCB, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tử Quỳnh

QUY ĐỊNH

Cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018
của UBND tỉnh Bắc Ninh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này Quy định cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đáp ứng điều kiện quy định tại Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quy định này.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải tham gia cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt (sau đây viết tắt là chủ dự án) được Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh ký hợp đồng thực hiện.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

Các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ theo nguyên tắc bảo đảm các quy định tại Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg, Thông tư số 02/2016/TT-BTC và Quy định này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Ưu tiên và miễn tiền thuê đất để xây dựng hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Ưu tiên bố trí quỹ đất để doanh nghiệp vận tải đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, gồm: Trung tâm điều hành xe buýt, trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe buýt, nhà chờ, điểm dừng, điểm đầu, điểm cuối các tuyến xe buýt.

2. Việc miễn tiền thuê đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thực hiện theo Quyết định số 62/2009/QĐ-TTg ngày 20/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về miễn tiền thuê đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng, Quyết định số 55/2012/QĐ-TTg ngày 19/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 62/2009/QĐ-TTg ngày 20/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về miễn tiền thuê đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng.

Điều 5. Hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư phương tiện vận tải, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Điều kiện được hỗ trợ lãi suất vay vốn

a) Đảm bảo điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 8, Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Điều 4, Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Là đơn vị vận tải được Sở Giao thông vận tải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

c) Phương tiện vận tải đầu tư phải có sức chứa từ 17 hành khách trở lên, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định Bộ Giao thông vận tải.

2. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Được tính theo tổng số tiền vay nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng giá trị quyết toán đối với dự án đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng; 100% tổng kinh phí đầu tư phương tiện theo gói thầu trúng thầu hoặc theo Hợp đồng đặt hàng, phương án khai thác được duyệt.

3. Mức hỗ trợ lãi suất

a) Đối với dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt: Hỗ trợ lãi suất 70% mức lãi suất theo hợp đồng ký kết giữa chủ dự án và tổ chức tín dụng, nhưng không vượt quá mức lãi suất trung bình của 04 Ngân hàng, gồm: Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank.

b) Đối với dự án đầu tư phương tiện: Hỗ trợ lãi suất 100% mức lãi suất theo hợp đồng ký kết giữa chủ dự án và tổ chức tín dụng, nhưng không vượt quá

mức lãi suất trung bình của 04 Ngân hàng, gồm: Ngân hàng BIDV; Ngân hàng Vietcombank; Ngân hàng Vietinbank và Ngân hàng Agribank.

4. Thời hạn hỗ trợ: Theo thời hạn hợp đồng vay vốn của tổ chức tín dụng nhưng tối đa không quá 60 tháng đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; không quá thời gian khấu hao của phương tiện và hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký kết đối với dự án đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt nhưng không vượt quá thời gian vay vốn thực tế của từng khoản vay.

5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 6. Miễn, giảm giá vé cho một số đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Doanh nghiệp vận tải thực hiện miễn tiền vé đối với trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng.

2. Giảm 50% giá vé đối với người có công với cách mạng, người cao tuổi là công dân Việt Nam sử dụng vé tháng khi tham gia giao thông bằng xe buýt.

3. Giảm 50% giá vé đối với học sinh, sinh viên là công dân Việt Nam sử dụng vé tháng khi tham gia giao thông bằng xe buýt.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn doanh nghiệp vận tải, chủ dự án thực hiện lập dự án đầu tư phương tiện vận tải, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo đúng các quy định của nhà nước.

b) Chủ trì thẩm định hồ sơ hỗ trợ lãi suất, xác định phân dư nợ vay của chủ dự án sử dụng đúng mục đích đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí hỗ trợ lãi suất có hiệu quả, đúng mục đích.

c) Lập phương án hỗ trợ lãi suất gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách dự án được hỗ trợ, số tiền hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

d) Phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, xét duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

đ) Định kỳ hàng năm, dự kiến kinh phí hỗ trợ giá vận chuyên, hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện cho năm tiếp theo.

e) Định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hàng năm tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính và UBND tỉnh kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của năm trước theo Phụ lục 3, Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ Tài chính.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan hướng dẫn doanh nghiệp vận tải, chủ dự án thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện vận tải, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, số tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các dự án đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện.

c) Trên cơ sở đề nghị của Sở Giao thông vận tải, cân đối ngân sách địa phương, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí đủ kinh phí thực hiện hỗ trợ giá vận chuyên, lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

d) Cấp phát kinh phí hỗ trợ và thẩm định quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư, hỗ trợ giá vận chuyên và giảm giá vé cho một số đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo đúng quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Rà soát và bổ sung (nếu có) quy hoạch sử dụng đất tại các địa phương, nhất là các điểm đầu, điểm cuối tuyến xe buýt để tạo quỹ đất xây dựng trung tâm điều hành, trạm sửa chữa bảo dưỡng, bãi đỗ xe buýt, điểm đầu, điểm cuối các tuyến xe buýt.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn doanh nghiệp vận tải, chủ dự án lập thủ tục về chấp thuận địa điểm đầu tư, giao đất hoặc cho thuê đất để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ xe buýt.

c) Phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố ưu tiên bố trí quỹ đất và thực hiện chính sách miễn tiền thuê đất đối với các dự án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

4. Cục thuế tỉnh hướng dẫn doanh nghiệp vận tải, chủ dự án lập các thủ tục và thực hiện việc miễn tiền thuê đất, lệ phí trước bạ phương tiện vận tải và các chính sách ưu đãi về thuế theo đúng quy định.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường học, cơ sở đào tạo thông tin, tuyên truyền, khuyến khích học sinh, sinh viên sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; khuyến khích các trường phối hợp với hội phụ huynh học sinh tổ chức đưa đón học sinh bằng xe buýt.

6. Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn doanh nghiệp vận tải trong việc xác định các trường hợp thuộc đối tượng miễn giảm giá vé theo quy định này.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các sở, ngành liên quan quy hoạch, bố trí quỹ đất để doanh nghiệp vận tải, chủ dự án đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; tăng cường công tác tuyên truyền vận động người dân địa phương mình sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

8. Doanh nghiệp vận tải, chủ dự án

a) Lập dự án đầu tư phương tiện vận tải, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở vay vốn đầu tư và thực hiện thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư theo quy định.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích, tuân thủ quy định pháp luật về thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất và theo Quy định này; thực hiện hoàn trả số tiền hỗ trợ khi sử dụng vốn vay sai mục đích theo quyết định của UBND tỉnh.

c) Tổng hợp, thống kê số lượng vé, số tiền giảm giá vé dành cho một số đối tượng quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 6 Quy định này; lập đầy đủ thủ tục, lưu trữ hồ sơ để cơ quan nhà nước kiểm tra, xét duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Phương tiện vận tải đã đầu tư từ trước ngày Quyết định này có hiệu lực, chưa được hỗ trợ lãi suất và chưa hết khấu hao, được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn theo Quyết định này và chỉ được hỗ trợ đối với khoản vay giải ngân kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 (thời điểm Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành) để thực hiện dự án, thuộc danh mục được hỗ trợ quy định tại Quyết định này.

Điều 10. Xử lý một số trường hợp vi phạm

1. Trường hợp chủ dự án vay vốn nhưng sử dụng vốn vay sai mục đích thì áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Xử lý các trường hợp vi phạm về đất

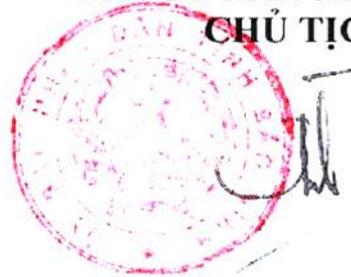
a) Khi nhà nước đã giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt nhưng doanh nghiệp vận tải, chủ dự án không còn nhu cầu sử dụng đất hoặc sử dụng đất không đúng mục đích thì nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất đã giao hoặc cho thuê đất. Tài sản đã đầu tư trên đất được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Đất được nhà nước giao hoặc cho thuê nhưng quá thời hạn 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày quyết định giao đất hoặc cho thuê đất mà doanh nghiệp vận tải, chủ dự án không lập thủ tục đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đã giao hoặc cho thuê đất đó theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Quá trình thực hiện Quy định này trong thực tế có phát sinh khó khăn, vướng mắc các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã; doanh nghiệp vận tải, chủ dự án phản ánh kịp thời về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tử Quỳnh